

GÓP Ý VỀ CHÍNH SÁCH LIÊN THÔNG THƯ VIỆN VÀ TIẾN TRÌNH THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG LIÊN THÔNG THƯ VIỆN

LÊ NGỌC OÁNH, MSL.
Thư viện ĐH Mở-Bán công TP. HCM

Kể từ ngày 21/11/1998, Câu lạc bộ thư viện được thành lập tại Thư viện Cao học Đại học Khoa học Tự nhiên TP. HCM; tiếp đến ngày 18/12/1999 Liên hiệp Thư viện các trường đại học khu vực Hà Nội tuyên bố tái hoạt động sau một thập kỷ vắng bóng; rồi đến ngày 07/06/2001 Hội nghị thành lập Liên hiệp Thư viện các trường đại học khu vực phía Nam được tổ chức, thư viện các trường đại học trên cả nước đã có những hoạt động sôi nổi. Chẳng hạn như tham gia

các cuộc hội thảo về vai trò của thư viện đại học, vai trò của người cán bộ thông tin thư viện, **chuẩn hóa** nghiệp vụ để đi đến **hội nhập** và **phát triển**, tham dự các lớp tập huấn liên quan đến nghiệp vụ thư viện hiện đại, thực sự bắt tay vào việc cải tạo thư viện mình theo hướng hiện đại và điện tử hoá, trong đó nổi bật vấn đề liên thông thư viện, chia sẻ tài nguyên, đưa cơ sở dữ liệu thông tin điện tử của các thư viện thành viên trong một hệ thống liên thông lên mạng dùng chung.

Trong những hoạt động rầm rộ đi lên đó, ta thấy bắt đầu xuất hiện những dự án liên thông như: Dự án "**Hệ thống thông tin - thư viện điện tử liên kết các trường đại học**" của 9 thư viện đại học ở TP. HCM" và Dự án "**Trang bị cơ sở dữ liệu chung của các trung tâm học liệu**" của các đại học Huế, Đà Nẵng và Cần Thơ.

Để thực hiện các dự án này, mỗi dự án cần phải có một chính sách liên thông. Chính sách liên thông sẽ quyết định một phần quan trọng trong việc thành công của

dự án. Bài viết này nhằm đóng góp một số ý kiến về chính sách liên thông. Tuy nhiên trước khi đề cập đến chính sách liên thông, thiết nghĩ cũng nên đi qua một số mô hình liên thông tiêu biểu trên thế giới để xem tính hiệu quả của việc liên thông; đồng thời xét qua các tiến trình thúc đẩy liên thông ở nước ta.

Điём qua một số mô hình liên thông tiêu biểu trên thế giới:



Câu lạc bộ Thư viện quy tụ 162 hội viên

1. Dự án CASLIN (Czech And Slovak Library Information Network) liên kết 4 thư viện lớn: Thư viện quốc gia của Czech tại Praha, CH Czech, Thư viện khoa học Moravie tại Brno, CH Czech, Thư viện quốc gia Slovak tại Martin, CH Slovak, và Thư viện đại học tại Bratislava, CH Slovak với sự tài trợ chính của Tổ chức Andrew W. Mellon Foundation hơn 1 triệu USD để trang bị phần cứng và phần mềm của hệ thống CNTT cho bốn thư viện thành viên đầu tiên; Tổ chức Pew Charitable Trust (Hoa Kỳ) tài trợ 200.000USD dành cho công tác đào tạo; và Bộ Thông tin và Văn hóa (Czech - Slovak) tài trợ cho việc thuê bao đường truy cập Internet trực tuyến trong hai năm. Tại thời điểm này số thành viên đã lên đến 10.

Những thành quả đạt được:

- Là động lực giúp cho các thư viện Czech và Slovak tiếp cận với phát triển của các thư viện tiên tiến trên thế giới.
- Là mô hình mẫu mực và nguyên tắc tổ chức, mục tiêu và việc thống nhất các tiêu chuẩn cho việc hợp tác liên thư viện trong và ngoài nước.
- Hình thành mạng liên thư viện mở tra cứu thư mục trực tuyến cho mọi đối tượng dùng tin cũng như cho sự tham gia của các thư viện khác.

Những hạn chế:

- Chưa tập hợp được toàn bộ các thư viện của toàn Liên bang do hạn chế ngân sách.
- Chưa đề ra được chính sách bổ sung phù hợp cho từng thành viên
- Chưa xây dựng được kế hoạch hỗ trợ các thư viện thành viên
- Việc thay đổi thói quen và tác phong làm việc của con người không đơn giản...

2. Dự án CAVAL (Cooperative Action by Victorian Academic Libraries) bao gồm các thành viên: Australian Catholic University, Deakin University, La Trobe University, Monash University, RMIT, Swinburne University, University of Balarat, University of Melbourne, Victoria University, và State Library of Victoria. Ban điều hành bao gồm các giám đốc đại học và các giám đốc thư viện.

Những thành quả đạt được:

- Tập hợp được mạng tài nguyên thông tin trong khu vực để tổ chức được các dịch vụ thông tin chất lượng cao, chẳng hạn trung tâm lưu trữ tài liệu nghiên cứu (CARM = Caval Archive Reseach Material Center) tổ chức lưu giữ các tài liệu có tần suất sử dụng thấp nhưng có giá trị, phục vụ cho nghiên cứu. Các tài liệu này do các thư viện thành viên đóng góp và đồng sở hữu. Hiện nay sưu tập này có một triệu bản tài liệu trong khi kho tài liệu của CARM có khả năng chứa hai triệu bản.
- Thống nhất chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho người làm công tác thông tin thư viện, đáp ứng nhu cầu của hoạt động thông tin thư viện hiện đại. Các chương trình đào tạo của CAVAL bao gồm các khoá đào tạo cũng như tập huấn về nghiệp vụ thông tin thư viện như: biên mục, phân loại, metadata, thiết kế và phát triển trang web, cấu trúc thông tin, quản lý thư viện, dịch vụ tư vấn và đào tạo chuyên gia do các chuyên gia cao cấp của CAVAL thực hiện nhằm cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp chất lượng cao cho lĩnh vực thư viện.

3. Nhận định chung về dự án liên thông:

- Về mục tiêu nhằm kết nối các thư viện trong cùng một cụm liên thông lại để: Chia sẻ một mục lục liên hợp; Tổ chức việc chia sẻ tài nguyên; Hợp tác trong công tác bổ sung; Phát huy mượn liên thư viện; Cho người dùng tin ở bất kỳ nơi nào cũng có thể tra cứu vào mục lục trực tuyến thống nhất; Sử dụng được các dịch vụ thông tin chất lượng cao, phát triển các dịch vụ thông tin sáng tạo.
- Về phạm vi phát triển: các cụm liên thông thường bắt đầu bằng một số nhỏ các thư viện được đầu tư đồng bộ sau được phát triển lan rộng dần ra.
- Về tổ chức điều hành: Ban điều hành gồm các giám đốc của các thư viện thành viên (đôi khi là hiệu trưởng các trường đại học) ra quyết định liên quan đến chương trình hành động của dự án liên thông.
- Về chuyên gia tư vấn: gồm các chuyên gia của các lĩnh vực kế hoạch và CNTT của các thư viện thành viên, có trách nhiệm biên soạn các tiêu chuẩn và các kế hoạch triển khai dự án.
- Về qui trình thực hiện: dự án được thực hiện theo các bước sau đây:
 - Trang bị phần cứng và phần mềm của hệ thống công nghệ thông tin cho các thư viện thành viên ban đầu.
 - Ấn định chính sách liên thông
 - Thống nhất nghiệp vụ và chương trình đào tạo: Mô tả: AACR2, MARC 21 hay UNIMARC, METADATA; Đề mục: LCSH; Phân loại: DDC hay UDC, LC; Thiết kế và phát triển trang web; Cấu trúc thông tin; Quản lý thư viện; Lập kế hoạch chiến lược.
- Tìm nguồn tài trợ cho công tác đào tạo và công tác kỹ thuật, hỗ trợ cho các thư viện thành viên
- Thiết lập đường truyền dây cáp mạng liên thông mở, tra cứu mục lục trực tuyến cho mọi đối tượng dùng tin, cũng như cho sự tham gia của các thư viện khác.
- Cung cấp các sưu tập tài nguyên số hoá cho các thư viện thành viên.

4. Những yếu tố cần thiết cho sự thành công của hợp tác.

- Các thư viện tham gia phải cùng thống nhất một quy định hoạt động trong đó thể hiện rõ mục tiêu, quyền lợi, nghĩa vụ, thỏa thuận giữa các phương thức hợp tác.
- Các thư viện tham gia phải đảm bảo các kiến trúc hạ tầng: Tuân thủ tiêu chuẩn chung về tổ chức tài nguyên thông tin; Có phần mềm tích hợp các tiêu chuẩn chung; và có nguồn tài nguyên thông tin chia sẻ được.
- Có Ban điều hành am hiểu về tổ chức thư viện và hiểu biết về việc ứng dụng CNTT.
- Xây dựng được một kế hoạch hành động, trong đó phân tích được mặt mạnh và mặt yếu của từng thư viện tham gia để trên cơ sở đó có kế hoạch chi tiết triển khai hoạt động của từng thư viện tham gia hợp tác.
- Có kế hoạch và định hướng được việc tiếp cận các nguồn tài chính đảm bảo hoạt động lâu dài của hợp

tác. Dự kiến được những biến động xu thế phát triển của các hoạt động liên quan đến thư viện để kịp thời có kế hoạch triển khai việc ứng dụng.

- Cần nhắc phạm vi và khả năng mở rộng của hợp tác.

Tiến trình thúc đẩy liên thông ở nước ta:

1. Một số hoạt động nhằm đến việc liên thông.

- Ngày 17/3/2000: Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa - Thông tin đã tổ chức cuộc hội thảo **“Nghiên cứu và dịch thuật Bảng Phân loại Dewey”** với đầy đủ các nhà thư viện học lớn trong cả nước. Hội thảo này đã tìm được tiếng nói chung trên bước đường hội nhập với thư viện thế giới. Thư viện Việt Nam cần mạnh dạn đổi mới, nhanh chóng nghiên cứu và áp dụng Bảng Phân loại Dewey, AACR2, và sử dụng Tiêu đề đề mục.
- Từ 26-28/9/2001: Tại Trung tâm Phát triển CNTT, Hà Nội, Hội thảo Quốc tế về **“Hệ thống quản lý và các tiêu chuẩn nghiệp vụ cho Thư viện Việt Nam”** được tổ chức với sự tham gia đông đảo các nhà thư viện có uy tín trên thế giới. Nội dung chính của hội thảo này xoay quanh những vấn đề phát triển hệ thống mạnh thư viện thống nhất; phát triển những chính sách dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, chia sẻ nguồn thông tin qua mạng; hiện đại hóa trang thiết bị thư viện dựa trên những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác phục vụ bạn đọc. Các thành viên tham gia hội thảo đã nhất trí về một số điểm có liên quan đến việc khuyến khích sử dụng Hệ thống Phân loại Dewey, đề nghị áp dụng MARC 21; đưa hệ thống

Phân loại Dewey, AACR2, và MARC 21 vào chương trình giảng dạy của các trường đào tạo thư viện. Sau hội thảo này, được sự giúp đỡ của Đại học quốc tế RMIT-Việt Nam, Thư viện Quốc gia bắt tay xây dựng Dự án dịch DDC.

- Từ 23-24/9/2002: Một cuộc Hội thảo quốc tế được tổ chức tại Thư viện Quốc gia do sự phối hợp giữa Thư viện Quốc gia với RMIT-Việt Nam quy tụ một số chuyên gia phân loại biên mục từ Hoa Kỳ, Úc, và Việt Nam để thảo luận về việc dịch DDC và AACR2. Trong diễn văn khai mạc, Thứ trưởng Trần Chiến Thắng nhắc lại quan điểm của Bộ Văn hóa - Thông tin rằng *“Với nhiệm vụ là thư viện trung tâm của cả nước, Thư viện Quốc gia có nhiệm vụ tổ chức việc dịch, xuất bản và sử dụng Bảng Phân loại Dewey và Quy tắc biên mục Anh-Mỹ”*. Quan điểm trên đã được cụ thể hóa bằng việc lập một kế hoạch thực hiện và thời hạn hoàn tất công việc dịch thuật DDC rút gọn 14 và AACR2 đầy đủ để phối hợp với các tổ chức giữ bản quyền. Với sự hỗ trợ của RMIT-Việt Nam, sau một thời gian sửa đổi, Dự án dịch DDC bao gồm nghiên cứu, xuất bản, huấn luyện áp dụng DDC đã được Quỹ từ thiện Atlantic chấp nhận tài trợ. Thư viện Quốc gia đã thành lập Hội đồng Tư vấn gồm 8 vị do Ông Phạm Thế Khang làm chủ tịch và Tổ Dịch thuật do Ông Vũ Văn Sơn làm tổ trưởng.
- Ngày 25/9/2003: Hội nghị chuyên đề về **“Hiệp hội Quốc gia các chuyên gia Thông tin và Thư viện tại Việt Nam”** được tổ chức tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia do sự phối hợp giữa Thư viện Quốc gia, TT Thông tin KH-CN Quốc gia, Hội Thông tin Tư liệu Khoa học và Công

nghe, và RMIT. Hội nghị quy tụ một số cán bộ thư viện Hoa Kỳ, Úc và trong khu vực Đông Nam Á nhằm trình bày về phương thức xây dựng và hoạt động của Hiệp hội Thư viện Quốc gia.

- Ngày 21/11/2003: Tại Thư viện Quốc gia, Hội đồng Tư vấn họp phiên họp thứ nhất để mở đầu cho công việc trọng đại của Thư viện Việt Nam: Dịch và áp dụng Bảng Phân loại Dewey.
- Ngày 17/3/2004: Phiên họp thứ hai của Hội đồng Tư vấn dịch thuật DDC được tổ chức theo kế hoạch tại trụ sở 21 Phạm Ngọc Thạch, TP. HCM của RMIT-Việt Nam.
- Ngày 29/6/2004: Tại trụ sở 21 Phạm Ngọc Thạch, TP. HCM của RMIT-Việt Nam, một cuộc họp quan trọng được tổ chức theo sáng kiến của Ban Chấp hành Liên hiệp Thư viện Đại học Phía Nam (FESAL) nhằm tìm kiếm nguồn tài trợ chính thức cho những hoạt động liên thông thư viện để đi đến việc thành lập Hiệp hội Thư viện đại học Việt Nam. Phiên họp bao gồm đại diện lãnh đạo hai Bộ Giáo dục Đào tạo và Văn Hóa-Thông tin, đại diện hai Ban chấp hành Liên hiệp Thư viện đại học Bắc-Nam và đại diện RMIT.
- Ngày 30/9/2004: Phiên họp thứ ba của Hội đồng Tư vấn dịch thuật DDC được tổ chức tại Thư viện Quốc gia, Hà Nội.

2. Một số dự án liên thông:

2.1. Dự án “Thông tin thư viện điện tử liên kết các trường đại học”: Dự án là một quyết tâm của Hội đồng đại học TP. HCM nhằm thúc đẩy việc liên kết và hỗ trợ phát triển các trường đại học - cao đẳng trên địa bàn TP. HCM. Dự án này đồng thời đáp ứng chủ trương của Ủy Ban nhân dân TP. HCM trong phân tin học hóa quản lý hành chính nhà nước – chính phủ điện

tử thể hiện trong quyết định số 93/2002/QĐ-UB của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân TP. HCM về phê duyệt chương trình mục tiêu ứng dụng và phát triển CNTT TP. HCM từ 2002-2005. Trường ĐH Khoa học Tự nhiên được giao làm Chủ dự án.

- Mục tiêu của dự án: Mục tiêu của dự án là nhằm hình thành một trung tâm liên kết thông tin thư viện, kết nối thí điểm giai đoạn đầu với thư viện khoảng 10 trường đại học và cao đẳng tại TP.HCM. ***Vận hành trên mạng đô thị băng thông rộng*** để trao đổi, quản lý và khai thác nguồn thông tin trong hệ thống thông tin thư viện tại cổng truy cập trên mạng CITYWEB của thành phố. Thống nhất về nghiệp vụ và công nghệ trong việc tổ chức, quản lý và trao đổi thông tin tiến tới kết nối mạng thông tin các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trong giai đoạn từ sau năm 2005.
- Phạm vi của dự án: Chín (09) thư viện đại học tham dự dự án là: TV Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG TP. HCM, TV Trường ĐH Y-Dược, TV Trường ĐH Sư Phạm, TV Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật, TV Trường ĐH Kinh tế, TV Trường ĐH Mở-Bán Công, TV Trường ĐH DL Kỹ thuật - Công nghệ, TV Trường CĐ Công nghiệp 4, TV Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP. HCM. Ngoài ra còn có Trung tâm TT Khoa học Công nghệ TP. HCM.
- Quá trình thực hiện: Đã qua giai đoạn Nghiên cứu khả thi, ngày 25/02/2004, Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã ký Quyết định số 65/QĐ-KHĐT phê duyệt Dự án ***“Hệ thống thông tin – thư viện điện tử liên kết các trường đại học”*** do Trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh

làm chủ đầu tư. Nay đang triển khai thực hiện theo kế hoạch như sau:

- Hạng mục 1 : Thiết kế chi tiết phần mềm hệ thống công thông tin, các phần mềm ứng dụng và phần mềm tương hợp và thiết bị phần cứng tương ứng.
- Hạng mục 2 : Thực thi lập trình phần mềm hệ thống công thông tin, các phần mềm ứng dụng và phần mềm tương hợp; Cài đặt, hướng dẫn sử dụng và đào tạo quản trị hệ thống cho các phần mềm kể trên.
- Hạng mục 3 : Mua sắm máy chủ phần cứng
- Hạng mục 4 : Thiết lập và vận hành kết nối mạng cho 9 trường.
- Hạng mục 5 : Thiết lập chính sách liên thông thư viện; Thống nhất chuẩn nghiệp vụ; Tập huấn nghiệp vụ và công nghệ.

2.2. Dự án "Trang bị CSDL chung của các Trung tâm học liệu do RMIT-Việt Nam quản lý":

- Tại ĐH Huế: Dự án này bắt đầu triển khai từ Tháng 01/2001. Trung tâm học liệu ĐH Huế là một toà nhà bốn tầng được xây trên nền cũ của Thư viện Trung tâm Viện ĐH Huế bao gồm trang thiết bị hiện đại. Khánh thành vào ngày 23/3/2004.
- Tại ĐH Đà Nẵng: Trung tâm học liệu ĐH Đà Nẵng đang được xây dựng trong khuôn viên trường ĐH Kỹ thuật cách trung tâm 9km về hướng Tây. TT này sẽ được kết nối với TT Thông tin Tư liệu hiện có nhằm cung cấp những dịch vụ thông tin hoàn hảo cho toàn ĐH Đà Nẵng. Dự kiến sẽ hoàn thành vào Tháng 01/2005.

- Tại ĐH Cần Thơ: Trung tâm học liệu ĐH Cần Thơ cũng được xây dựng sao cho kết hợp với thư viện hiện thời trong Khu học đường 2 của ĐH nhằm phục vụ toàn thể sinh viên và giảng viên nhà trường. Dự kiến sẽ hoàn thành vào Tháng 8/2005.

Góp ý về chính sách liên thông:

Thông qua việc khảo sát một số mô hình liên thông tiêu biểu ở nước ngoài và tiến trình thúc đẩy liên thông ở nước ta, chúng tôi đóng góp một số ý kiến về Quy trình thực hiện và Chính sách liên thông cho bất cứ một dự án liên thông nào.

1. Về quy trình liên thông:

1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị hệ thống liên kết:

- Xác định mục tiêu và phạm vi triển khai dự án.
- Chọn ra các thư viện có phát triển cao để tham gia dự án đầu tiên.
- Tổ chức Ban điều hành dự án.
- Khảo sát thực tế các thư viện thành viên để biết các điểm mạnh và điểm yếu về nghiệp vụ cũng về công nghệ ứng dụng; nắm rõ những hạn chế để có kế hoạch hỗ trợ cho từng thành viên.
- Thành lập Ban chuyên gia tư vấn về các lĩnh vực kế hoạch, hệ thống và CNTT. Ban chuyên gia có trách nhiệm soạn các tiêu chuẩn và kế hoạch triển khai dự án.
- Trình bày và đề xuất giải pháp kết nối; thực trạng nghiệp vụ và ứng dụng tin học; chương trình tập huấn và sử dụng công nghệ mới.
- Thảo luận về chính sách liên thông.

1.2. Trong giai đoạn xây dựng hệ thống liên kết:

- Thành lập consortium.

- Trang bị phần cứng và phần mềm ứng dụng CNTT cho các thư viện thành viên.
- Hỗ trợ nghiệp vụ cho các thư viện còn yếu.
- Thiết lập chính sách liên thông.
- Thống nhất chuẩn nghiệp vụ và chương trình đào tạo.
- Tập huấn nghiệp vụ và công nghệ.
- Tìm nguồn tài trợ cho công tác đào tạo và công tác kỹ thuật.
- Thiết lập đường truyền dây cáp mạng liên thông mở phục vụ dịch vụ trực tuyến cho đối tượng dùng tin và cho sự tham gia của các thư viện khác.
- Xây dựng CSDL số hoá của các thư viện trong consortium.
- Bổ sung CSDL điện tử trực tuyến.
- Xây dựng hệ thống trung tâm phục vụ cho việc liên kết: Cài đặt phần cứng và phần mềm cho hệ thống máy chủ điều hành mạng chung; Thiết kế chi tiết phần mềm công thông tin tích hợp, các phần mềm ứng dụng khác.
- Thiết lập và vận hành kết nối mạng.

1.3. Trong giai đoạn triển khai kết nối các thư viện khác:

- Mở rộng consortium đến các thư viện khác.
- Hỗ trợ nghiệp vụ cho các thư viện cần liên kết.
- Xây dựng nâng cấp phần cứng và phần mềm cho hệ thống trung tâm phục vụ cho việc liên kết.

2. Về chính sách liên thông: Trước khi thiết lập và vận hành kết nối mạng liên thông, chúng ta cần phải khẳng định một Chính sách liên thông trên cơ sở bàn bạc, thảo luận giữa các thư viện thành viên. Chính sách liên thông có thể được vạch ra dưới các khía cạnh: Thống nhất về nghiệp vụ chuẩn hoá; Tổ chức và chia sẻ tài

nguyên thông tin; Người sử dụng; và Quản lý mạng liên thông.

2.1. Chính sách thống nhất nghiệp vụ chuẩn hoá: Để có thể liên thông được, các thành viên trong một cụm liên thông phải thống nhất với nhau về mọi vấn đề nghiệp vụ. Sự thống nhất này có thể do các bên liên quan thoả thuận với nhau về những tiêu chuẩn nào đó mà mọi thành viên cùng chấp nhận. Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn hội nhập với mạng liên thông trên toàn thế giới, chúng ta phải cùng tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chẳng hạn như Biên mục mô tả theo ISBD, AACR2, MARC 21, MARC-XML, Dublin Core, vv...; Phân loại theo DDC, LC, NLM (riêng cho thư viện Y khoa), vv...; Ấn định tiêu đề đề mục theo Sears List of Subject Headings và LCSH; Hệ thống mục lục theo nhan đề, tác giả, tiêu đề đề mục; vv...

Để thống nhất về mặt nghiệp vụ, các consortium cần phải tổ chức những cuộc khảo sát cận kề cho từng thư viện thành viên, xem công tác nghiệp vụ của các thành viên có đúng chuẩn hay không. Có thể ghi nhận những hạn chế về trình độ nghiệp vụ của từng thành viên để có kế hoạch hỗ trợ.

2.2. Chính sách tổ chức và chia sẻ tài nguyên thông tin:

- Trao đổi Biểu ghi thư tịch: Ấn định thành phần của một biểu ghi thư tịch thống nhất. Các thư viện thành viên xây dựng và đóng góp vào hệ thống mục lục liên hợp để sử dụng chung.
- Mượn liên thư viện: Hiện nay số lượng tài liệu của các thư viện còn ít trong khi số lượng độc giả thì quá đông nên các thư viện có khuynh hướng từ chối độc giả của các thư viện khác đọc tại chỗ hay mượn tài

liệu. Vì vậy ta chỉ có thể giải quyết hỗ trợ tài liệu cho độc giả của thư viện khác trong consortium khi thật cần thiết, có thể cần đến giấy giới thiệu.

- Trao đổi tài liệu qua bưu điện, fax, hay email: Có thể trao đổi tài liệu điện tử hay sao chụp và xác định một phương thức thanh toán chi phí hợp lý.
- Chia sẻ CSDL điện tử thương mại: Khai thác có thu phí và ấn định mức chi trả hợp lý cho độc giả trong và ngoài consortium truy cập vào CSDL điện tử thương mại của một thư viện thành viên.
- Liên kết và phối hợp bổ sung tài liệu: Thường là tạp chí nước ngoài và CSDL trực tuyến. Tổ chức hội thảo để phân công từng thư viện đặt mua.
- Công tác biên mục tập trung: Biểu ghi thư tịch được các thư viện thành viên đóng góp vào hệ thống mục lục liên hợp. Tuy nhiên cần phải có chính sách bồi dưỡng cho chuyên gia chuyên duyệt lại cho thống nhất. Có thể tổ chức biên mục qua mạng như là một công cụ thư tịch.
- Xây dựng những bộ sưu tập: Hội thảo phân công cho từng thư viện sử dụng phần mềm chuyên biệt (Greenstone

chẳng hạn) để xây dựng những bộ sưu tập theo chuyên ngành.

3. Về Chính sách người sử dụng:

- Độc giả thư viện trong consortium: Có thể khai thác tài nguyên điện tử của nhau trên mạng; có quyền hoặc yêu cầu trao đổi tài liệu bằng bưu điện, fax, email; được giới thiệu đến đọc tài liệu tại chỗ ở một thư viện khác trong consortium.
- Người sử dụng bên ngoài: Có thể khai thác tài nguyên của consortium có hoặc không có thu phí. Nếu có thu phí thì ấn định rõ những gì cần thu phí và mức bao nhiêu.

4. Về Chính sách quản lý mạng liên thông: Để mạng liên thông có thể vận hành tốt thì cần phải có kinh phí bảo trì hệ thống trung tâm và chi phí cho nhân viên quản lý mạng.

- Hội thảo để tính chi phí năng lượng, bảo trì hệ thống trung tâm và nhân viên quản lý mạng.
- Dự trù kinh phí cho những sinh hoạt trên và ấn định mức đóng góp của các thư viện thành viên.

Chính sách liên thông cần phải được ký kết thực hiện bởi lãnh đạo cơ sở của các thư viện thành viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi "**Hệ thống thông tin - thư viện điện tử liên kết các trường đại học**". – Phiên bản 1.7 / Trường ĐH Khoa học Tự nhiên TP. HCM.- 2004.
2. Các Bản tin điện tử:
 - **Bản tin Xuân** / Liên hiệp thư viện ĐH Phía Nam, 01/2002
 - **Kỷ niệm một năm thành lập** / Liên hiệp thư viện ĐH Phía Nam, 11/2002
 - **Liên thông thư viện** / Liên hiệp thư viện ĐH Phía Nam, 8/2003
 - **Công nghệ thông tin - thư viện** / Liên hiệp thư viện ĐH Phía Nam, 12/2003
 - **Thư viện - Công nghệ thông tin** / Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên, 5/2004
3. Kỷ yếu Hội thảo "**Tiến đến thống nhất hoạt động hai Liên hiệp Thư viện Đại học**". – Nha Trang, 19-20/7/2004.